

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA  
52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013  
cùng với Báo cáo của Kiểm toán viên*

**MST: 3 6 0 0 2 5 4 5 4 8**

---

Được kiểm toán bởi: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KSI VIỆT NAM**  
16 Trà Khúc, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 35 471 242; Fax: (84-8) 35 471 450  
Website: [www.ksi.com.vn](http://www.ksi.com.vn); Email: [audit@ksi.com.vn](mailto:audit@ksi.com.vn)

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	1 - 2
<b>2. Báo cáo kiểm toán</b>	3 - 4
<b>3. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 22



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Tử Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Điện Tử Biên Hòa (Công ty) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002784 ngày 21/10/2004 và chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 6 ngày 10/05/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp. Công ty được chuyển thể từ DNNN Công ty Điện Tử Biên Hòa, ĐKKD số 102722 do Trọng tài kinh tế Tp.HCM cấp ngày 31/05/1993.

Vốn điều lệ của công ty đăng ký là 60.000.000.000 đồng tương đương 600.000 cổ phiếu (Mệnh giá: 100.000 đồng/ 1 cổ phiếu). Tại thời điểm 31/12/2013, đơn vị đã góp đủ vốn điều lệ.

Trụ sở chính của công ty đặt tại: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.

Thông tin chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty CP Điện tử Biên Hòa tại Hà Nội. Địa chỉ: 178 Phố Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
- Chi nhánh Công ty CP Điện tử Biên Hòa - Trung tâm Thương Mại và Dịch vụ. Địa chỉ: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM
- Chi nhánh Công ty CP Điện tử Biên Hòa - Nhà máy sản xuất tại khu công nghiệp Biên Hòa 1. Địa chỉ: Khu CN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

### 2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, bảo hành, kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học. Xuất nhập khẩu thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, vật tư, sản phẩm điện, điện tử, tin học. Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng, cửa hàng, cửa hiệu, nhà hàng, siêu thị, kho tàng, bến bãi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Dịch vụ du lịch, lữ hành, trò chơi giải trí, trang trí. Các dịch vụ sửa chữa, lắp đặt, bảo hành, bảo trì các sản phẩm điện, điện tử, tin học. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Bán lẻ thiết bị viễn thông. ....

### 3. Thành phần Ban giám đốc và Kế toán trưởng

Thành phần Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

- |                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| - Ông Đỗ Khoa Tân     | Tổng Giám đốc     |
| - Ông Võ Thuần        | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Đặng Vĩnh Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Bùi Hoàng Nam   | Kế toán trưởng    |

### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

### 5. Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam.

Trụ sở chính: 16 Trà Khúc, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 35 471 242, Fax: (84-8) 35 471 450, Website: [www.ksi.com.vn](http://www.ksi.com.vn)

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### 6. Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và và Thuyết minh báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực, Chế độ và chính sách kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không;
- Lập các Báo cáo Tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp toàn bộ sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu liên quan cho các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam.

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính

### 7. Phê chuẩn của Ban Giám đốc

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, thuyết minh báo cáo tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TP.HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2014



**ĐỖ KHOA TÂN**  
Tổng Giám đốc

Số: 021.01/2014/AU

TP. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013*

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Tử Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Tử Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Khoản đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính với giá trị 29.621.270.000 VND là khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương tương ứng với 1.498.680 cổ phiếu (giá đầu tư bình quân mỗi cổ phiếu là 19.765 đồng), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường tại ngày 31/12/2013 và trong giai đoạn sau ngày 31/12/2013 đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán thấp hơn nhiều so với giá đầu tư bình quân mỗi cổ phiếu và thấp hơn mệnh giá. Tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty đã không thực hiện lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư chứng khoán này theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam. Nếu khoản đầu tư chứng khoán trên được lập dự phòng thì khoản mục chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay sẽ tăng thêm, đồng thời giá trị thuần của khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 sẽ giảm đi đáng kể với giá trị tương ứng.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Điện Tử Biên Hòa tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi Nhánh Công ty TNHH kiểm toán KSi Việt Nam****Phó Giám đốc****NGUYỄN VĂN HẬU**Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1340-2013-046-1**Kiểm toán viên****NGUYỄN HOÀNG NGUYÊN**Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0704-2013-046-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>40.408.262.572</b>	<b>43.465.725.007</b>
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>15.357.623.054</b>	<b>2.163.262.412</b>
Tiền	111		6.357.623.054	2.163.262.412
Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	13.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>V.3</b>	<b>10.592.364.448</b>	<b>9.341.907.660</b>
Phải thu của khách hàng	131		9.325.505.987	9.275.524.870
Trả trước cho người bán	132		1.423.360.000	219.450.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	4.939.000
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	138		1.010.498.461	1.007.993.790
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1.167.000.000)	(1.166.000.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>9.097.402.935</b>	<b>18.468.928.034</b>
Hàng tồn kho	141		9.097.402.935	18.468.928.034
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.5</b>	<b>360.872.135</b>	<b>491.626.901</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	340.988.476
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		262.372.135	39.138.425
Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		98.500.000	111.500.000

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>40.045.807.017</b>	<b>40.694.345.464</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>V.6</b>	<b>338.800.000</b>	<b>338.800.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		338.800.000	338.800.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>224.195.544</b>	<b>282.320.263</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	10.765.181	67.617.168
- Nguyên giá	222		16.826.310.990	16.826.310.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.815.545.809)	(16.758.693.822)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
TSCĐ vô hình	227	V.8	213.430.363	214.703.095
- Nguyên giá	228		315.456.001	315.456.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(102.025.638)	(100.752.906)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.9</b>	<b>8.683.541.473</b>	<b>9.273.955.201</b>
- Nguyên giá	241		19.064.384.639	19.064.384.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(10.380.843.166)	(9.790.429.438)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>30.799.270.000</b>	<b>30.799.270.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.178.000.000	1.178.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		29.621.270.000	29.621.270.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn(*)	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>80.454.069.589</b>	<b>84.160.070.471</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.084.261.603</b>	<b>7.454.470.345</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.176.061.603</b>	<b>5.350.670.345</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	V.13	72.397.350	112.544.750
Người mua trả tiền trước	313	V.13	2.102.158	1.191.025
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	299.389.493	462.297.345
Phải trả người lao động	315		1.226.794.000	1.388.869.000
Chi phí phải trả	316	V.12	-	1.300.000.000
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.9	710.132.916	614.027.885
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.13	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.13	865.245.686	1.471.740.340
Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.908.200.000</b>	<b>2.103.800.000</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	V.14	2.158.200.000	1.003.800.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		750.000.000	1.100.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>74.369.807.986</b>	<b>76.705.600.126</b>
Vốn chủ sở hữu	410	V.15	74.369.807.986	76.705.600.126
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	7.119.091
Quỹ đầu tư phát triển	417		8.888.657.853	8.682.878.580
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.174.659.979	2.968.880.706
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		52.195.500	52.195.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.254.294.654	4.994.526.249
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>80.454.069.589</b>	<b>84.160.070.471</b>

**TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG**

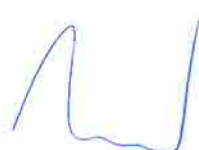
Khoản mục	TM	31/12/2013	01/01/2013
I. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		3.904,51	3.988,74

Tp. HCM, ngày 28/02/2014

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quốc Tuấn

Bùi Hoàng Nam

Đỗ Khoa Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số: B02 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính: VND)

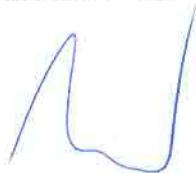
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	46.824.279.238	47.190.493.364
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	46.824.279.238	47.190.493.364
Giá vốn hàng bán	11	VI.18	40.263.586.511	34.763.708.721
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.560.692.727	12.426.784.643
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	2.432.865.242	2.811.527.679
Chi phí tài chính	22	VI.20	54.432	44.859.446
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	VI.22	2.493.717.082	3.806.571.770
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.342.274.661	6.470.677.497
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.157.511.794	4.916.203.609
Thu nhập khác	31		43.700.857	126.997.191
Chi phí khác	32		20.288.479	120.836.429
Lợi nhuận khác	40		23.412.378	6.160.762
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.180.924.172	4.922.364.371
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.21	98.038.675	806.778.914
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.082.885.497	4.115.585.457
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.805	6.859

Người lập biểu



Nguyễn Quốc Tuấn

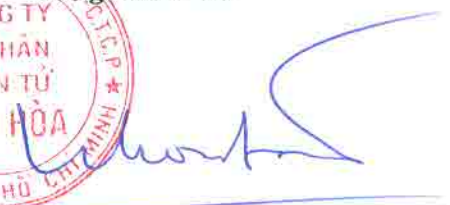
Kế Toán Trưởng



Bùi Hoàng Nam

Tp. HCM, ngày 28/02/2014

Tổng Giám Đốc

Đỗ Khoa Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số: B03 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính: VND)

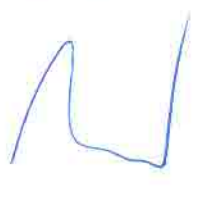
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		50.626.975.456	49.399.241.705
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(34.583.385.292)	(24.913.659.883)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(7.116.673.000)	(7.990.557.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(768.741.019)	(1.321.943.583)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		4.613.394.493	3.624.364.495
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(6.432.257.342)	(24.283.846.307)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.339.313.296</b>	<b>(5.486.400.573)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(95.100.000.000)	(156.960.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		103.100.000.000	157.960.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1.178.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.430.430.288	2.811.527.679
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>10.430.430.288</b>	<b>2.633.527.679</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.570.698.805)	(4.665.626.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.570.698.805)</b>	<b>(4.665.626.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>13.199.044.779</b>	<b>(7.518.499.394)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.163.262.412</b>	<b>9.683.731.038</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.684.137)	(1.969.232)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>15.357.623.054</b>	<b>2.163.262.412</b>

Tp. HCM, ngày 28/02/2014

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc


Nguyễn Quốc Tuấn

Bùi Hoàng Nam

Đỗ Khoa Tân

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này nhằm chú giải một số chi tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính cho niên độ từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 31/12/2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA. Bảng thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Điện Tử Biên Hòa (Công ty) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002784 ngày 21/10/2004 và chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 6 ngày 10/05/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp. Công ty được chuyển thể từ DNNN Công ty Điện Tử Biên Hòa, ĐKKD số 102722 do Trọng tài kinh tế Tp.HCM cấp ngày 31/05/1993.

Hình thức hoạt động: Công ty Cổ Phần

Trụ sở chính của công ty đặt tại: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.

Thông tin chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty CP Điện tử Biên Hòa tại Hà Nội. Địa chỉ: 178 Phố Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
- Chi nhánh Công ty CP Điện tử Biên Hòa - Trung tâm Thương Mại và Dịch vụ. Địa chỉ: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM
- Chi nhánh Công ty CP Điện tử Biên Hòa - Nhà máy sản xuất tại khu công nghiệp Biên Hòa 1. Địa chỉ: Khu CN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

### 2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Sản xuất, bảo hành, kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học. Xuất nhập khẩu thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, vật tư, sản phẩm điện, điện tử, tin học. Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng, cửa hàng, cửa hiệu, nhà hàng, siêu thị, kho tàng, bến bãi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Dịch vụ du lịch, lữ hành, trò chơi giải trí, trang trí. Các dịch vụ sửa chữa, lắp đặt, bảo hành, bảo trì các sản phẩm điện, điện tử, tin học. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Bán lẻ thiết bị viễn thông. ....

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh: Không có

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2013: 99 người.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 2. Đơn vị tiền tệ trong hạch toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam. Các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền Việt Nam quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng thương mại giao dịch công bố tại thời điểm có nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tỷ giá hạch toán cuối năm là 21.036 đồng/USD

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp; các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

## IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

#### Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi.

#### Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 06 năm 2013, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 07 năm 2013.

### 2. Phương pháp kế toán tiền mặt và khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh toán cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán như sau: Tất cả các giao dịch bằng đồng tiền khác đều được quy ra đồng tiền Việt Nam tại thời điểm giao dịch theo tỷ giá bình quân do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm có nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

### 5. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 6. Phương pháp kế toán hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: hàng tồn kho được đánh giá theo nguyên tắc giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá hàng tồn kho cuối kỳ: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho được lập dự phòng: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Thời gian hữu dụng của các loại tài sản cố định ước tính chủ yếu như sau:

Nhà cửa	6 -25 Năm
Máy móc thiết bị	3-7 Năm
Phương tiện vận chuyển	6 Năm
Dụng cụ, thiết bị	3-5 Năm

#### Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc và giá trị được lập dự phòng của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Được phản ánh theo giá gốc, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc ban đầu thì khoản đầu tư này được lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư nhỏ hơn giá trị gốc thì Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá đầu tư.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước bao gồm Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất,... có thời hạn sử dụng lớn hơn 01 (một) năm không được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình sẽ được phân bổ vào báo cáo lãi lỗ theo thời gian sử dụng ước tính theo phương pháp đường thẳng.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, .... Khoản chi phí phải trả được thực hiện theo kế hoạch chi phí phát sinh.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn khác của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân tặng, biếu sau khi đã trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến tài sản được biếu tặng này.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước qui định hoặc Hội đồng định giá tài sản thống nhất xác định.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái giữa ngày giao dịch và ngày thanh toán của mọi khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Khi giao dịch phát sinh và được thanh toán trong cùng kỳ kế toán, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được hạch toán trong kỳ đó. Nếu giao dịch được thanh toán ở các kỳ kế toán sau, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính theo sự thay đổi của tỷ giá hối đoái trong từng kỳ cho đến kỳ giao dịch đó được thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Được ghi nhận khi đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua đồng thời bảo đảm là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu không được ghi nhận khi có những bằng chứng không chắc chắn hàng được chấp nhận hoặc hàng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, dịch vụ đã hoàn thành bàn giao và được chấp nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái, và các khoản thu nhập hoạt động tài chính khác được xác định.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 17. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái, các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Không đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

### 18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác được trình bày trên cơ sở tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 19. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư theo yêu cầu trình bày của Hệ thống Kế toán Việt Nam nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính thì có số dư bằng không.

### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải hình thức pháp lý

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Niên độ kế toán kỳ trước: từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

Niên độ kế toán kỳ này: từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

	Cuối năm	Đầu năm
<b>1. Tiền</b>		
- Tiền mặt Việt Nam Đồng	660.144.000	469.220.086
- Tiền mặt Ngoại tệ (# 2.384 USD)	50.149.795	51.528.472
- Tiền gửi ngân hàng Việt Nam Đồng	5.615.343.811	1.610.964.849
- Tiền gửi ngân hàng Ngoại tệ (# 1.520,51 USD)	31.985.448	31.549.005
- Khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	9.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>15.357.623.054</b>	<b>2.163.262.412</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	13.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
- Phải thu của khách hàng (*)	9.325.505.987	9.275.524.870
- Trả trước cho người bán	1.423.360.000	219.450.000
<u>Trong đó:</u>		
- Công ty TNHH Cơ khí Mianlan	1.383.360.000	-
- Trung tâm Tiết kiệm Năng lượng Thành Phố	40.000.000	-
- Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	4.939.000
- Phải thu khác	1.010.498.461	1.007.993.790
<u>Trong đó:</u>		
- Cù Khắc Vĩnh Phúc	969.789.790	969.789.790
- Phải thu CBCNV về BH, thuế TNCN	40.708.671	38.204.000
- Dự phòng phải thu khó đòi (Đơn vị chỉ trích lập dự phòng theo số chẵn)	(1.167.000.000)	(1.166.000.000)
<u>Trong đó:</u>		
- Cù Khắc Vĩnh Phúc	(969.789.790)	(969.789.790)
- Cty TNHH MTV TM Nhật Hào Huy	(11.624.999)	(11.624.999)
- Cty TNHH Thu Ngân	(97.880.000)	(97.880.000)
- Cty TNHH TM DV Thanh Phón	(88.045.000)	(88.045.000)
<b>Cộng</b>	<b>10.592.364.448</b>	<b>9.341.907.660</b>

**Ghi chú:** (\*) Trong đó, khoản phải thu của Công ty CP DV Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn với tổng số tiền là 4.562.610.115 đồng nhưng theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 56/2013/QĐST-KDTM của Tòa án Nhân dân Quận 1 ngày 13/09/2013 thì tổng số phải thu của Công ty CP DV Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn lên đến 8.527.236.994 đồng. Chênh lệch 3.964.626.879 đồng bao gồm tiền lãi trả chậm 999.371.355 đồng; tiền thuê nhà phát sinh sau ngày kết thúc hợp đồng 2.965.255.524 đồng đơn vị vẫn chưa ghi nhận.

Chi tiết các khoản phải thu khách hàng tại phụ lục 1.

	Cuối năm	Đầu năm
<b>4. Hàng tồn kho</b>		
- Nguyên liệu, vật liệu	918.935.744	1.347.289.152
- Công cụ, dụng cụ	2.498.122	597.510
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.524.450	5.038.323.750

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Thành phẩm	8.057.194.619	11.990.467.622
- Hàng hóa	92.250.000	92.250.000
<b>Cộng giá trị hàng tồn kho</b>	<b>9.097.402.935</b>	<b>18.468.928.034</b>
<b>5. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước và tài sản lưu động khác</b>		
<b>a. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước</b>	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	340.988.476
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước:	262.372.135	39.138.425
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	208.404.999	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	53.967.136	39.138.425
<b>Cộng</b>	<b>262.372.135</b>	<b>380.126.901</b>
<b>b. Tài sản lưu động khác</b>	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
- Tài sản ngắn hạn khác	98.500.000	111.500.000
+ <i>Tạm ứng</i>	98.500.000	111.500.000
<b>Cộng</b>	<b>98.500.000</b>	<b>111.500.000</b>
<b>6. Phải thu dài hạn</b>	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	-	-
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
- Tiền bán cổ phiếu trả chậm cho CB CNV	328.300.000	328.300.000
- Tiền đặt cọc Taxi	10.000.000	10.000.000
- Tiền đặt cọc thuê bình nước	500.000	500.000
<b>Cộng</b>	<b>338.800.000</b>	<b>338.800.000</b>
<b>7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình</b>		

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
Số dư đầu năm	5.494.570.018	5.491.848.606	5.456.021.323	383.871.043	16.826.310.990
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.494.570.018	5.491.848.606	5.456.021.323	383.871.043	16.826.310.990
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	5.494.570.018	5.469.514.849	5.456.021.323	338.587.632	16.758.693.822
Khấu hao trong năm	-	11.568.576	-	45.283.411	56.851.987
Số dư cuối năm	5.494.570.018	5.481.083.425	5.456.021.323	-	16.815.545.809
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
Tại ngày đầu năm	-	22.333.757	-	-	67.617.168
Tại ngày cuối năm	-	10.765.181	-	-	10.765.181

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, sáng chế, nghiên cứu	Thương hiệu	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
Số dư đầu năm	63.636.364	55.827.115	-	195.992.522	315.456.001
Số dư cuối năm	63.636.364	55.827.115	-	195.992.522	315.456.001
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	39.198.504	55.827.115	-	5.727.287	100.752.906
Khấu hao trong năm	1.272.732	-	-	-	1.272.732
Số dư cuối năm	40.471.236	55.827.115	-	5.727.287	102.025.638
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	24.437.860	-	-	190.265.235	214.703.095
Tại ngày cuối năm	23.165.128	-	-	190.265.235	213.430.363

### 9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>19.064.384.639</b>	-	-	<b>19.064.384.639</b>
Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
Nhà	13.156.179.820	-	-	13.156.179.820
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	2.096.811.919	-	-	2.096.811.919
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>9.790.429.438</b>	<b>590.413.728</b>	-	<b>10.380.843.166</b>
Quyền sử dụng đất	1.387.347.032	76.227.864	-	1.463.574.896
Nhà	6.306.270.487	514.185.864	-	6.820.456.351
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	2.096.811.919	-	-	2.096.811.919
<b>Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>9.273.955.201</b>	-	-	<b>8.683.541.473</b>
Quyền sử dụng đất	2.424.045.868	-	-	2.347.818.004
Nhà	6.849.909.333	-	-	6.335.723.469
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

### 10. Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	1.178.000.000	1.178.000.000
- Đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (*)	29.621.270.000	29.621.270.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-

**Cộng**

**30.799.270.000 30.799.270.000**

Ghi chú: (\*) Chi tiết: 1.498.680 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/CP.

Đơn vị không có cơ sở trích lập dự phòng cho khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2013.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT đầu ra	182.473.176	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	462.297.345
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	116.916.317	-
<b>Cộng</b>	<b>299.389.493</b>	<b>462.297.345</b>

*Ghi chú: Từ năm cổ phần hoá 2005, Công ty được áp dụng mức thuế suất 15% trong 12 năm liên tiếp, được miễn thuế TNDN 3 năm và giảm 50% trong 7 năm đối với hoạt động sản xuất tại Khu công nghiệp. Năm 2013 là năm thứ 6 đơn vị được giảm 50% thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất tại Khu công nghiệp Biên Hòa.*

*Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.*

12. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí khác	-	1.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.300.000.000</b>

13. Các khoản phải trả nhà cung cấp, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Phải trả nhà cung cấp</b>		
- Phải trả cho người bán - Công ty CP VL XD Chất Đốt Đồng Nai	72.397.350	112.544.750
<b>b. Người mua trả tiền trước</b>		
- Người mua trả tiền trước	2.102.158	1.191.025
<b>c. Phải trả người lao động</b>		
- Phải trả người lao động	1.226.794.000	1.388.869.000
<b>d. Phải trả khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	-	35.611.840
- Bảo hiểm xã hội	26.182.280	24.333.120
- Thuế TNCN phải trả lại người lao động	58.253.636	50.206.925
- Cổ tức phải trả	625.697.000	503.876.000
<b>Cộng</b>	<b>710.132.916</b>	<b>614.027.885</b>
<b>e. Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>		
- Quỹ khen thưởng	427.638.659	925.059.386
- Quỹ phúc lợi	437.607.027	546.680.954
<b>Cộng</b>	<b>865.245.686</b>	<b>1.471.740.340</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 14. Phải trả dài hạn

a. Phải trả dài hạn người bán	Cuối năm	Đầu năm
b. Phải trả dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.644.400.000	490.000.000
<u>Trong đó:</u>		
- Công ty TNHH Gió Reo	300.000.000	300.000.000
- Công ty TNHH ĐT TM & XNK Bình Minh	160.000.000	100.000.000
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Hạnh Phúc	1.184.400.000	-
- Đối tượng khác	-	90.000.000
- Tiền bán cổ phiếu trả chậm	513.800.000	513.800.000
<b>Cộng</b>	<b>2.158.200.000</b>	<b>1.003.800.000</b>

## 15. Vốn chủ sở hữu

### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.119.091	4.784.387	11.903.478	-
- Quỹ đầu tư phát triển	8.682.878.580	205.779.273	-	8.888.657.853
- Quỹ dự phòng tài chính	2.968.880.706	205.779.273	-	3.174.659.979
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	52.195.500	-	-	52.195.500
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.994.526.249	1.082.885.497	3.823.117.092	2.254.294.654

*Ghi chú: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10/05/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, vốn điều lệ của doanh nghiệp là 60.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/12/2013 đơn vị đã góp đủ vốn điều lệ (ngoại trừ tiền bán cổ phiếu trả chậm cho CBCNV).*

### b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của Tổng Công ty CP Điện Tử và Tin Học Việt Nam	30.600.000.000	30.600.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	29.400.000.000	29.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

### d. Các quỹ của doanh nghiệp:

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	8.888.657.853	8.682.878.580
- Quỹ dự phòng tài chính	3.174.659.979	2.968.880.706
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	52.195.500	52.195.500
<b>Cộng</b>	<b>12.115.513.332</b>	<b>11.703.954.786</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

<b>16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng	41.277.682.700	38.248.391.605
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.546.596.538	8.942.101.759
<b>Cộng</b>	<b>46.824.279.238</b>	<b>47.190.493.364</b>
<b>17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	41.277.682.700	38.248.391.605
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	5.546.596.538	8.942.101.759
<b>Cộng</b>	<b>46.824.279.238</b>	<b>47.190.493.364</b>
<b>18. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	37.548.410.652	32.417.707.234
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.715.175.859	2.346.001.487
<b>Cộng</b>	<b>40.263.586.511</b>	<b>34.763.708.721</b>
<b>19. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.533.295.768	2.299.783.229
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	894.785.087	511.744.450
- Lãi chênh lệch tỷ giá	4.784.387	-
<b>Cộng</b>	<b>2.432.865.242</b>	<b>2.811.527.679</b>
<b>20. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền vay	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	54.432	44.859.446
<b>Cộng</b>	<b>54.432</b>	<b>44.859.446</b>
<b>21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	98.038.675	806.778.914
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>98.038.675</b>	<b>806.778.914</b>
<b>22. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>a. Chi phí bán hàng</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí nhân viên	1.209.638.676	1.632.433.969
- Chi phí bằng tiền khác	1.284.078.406	2.174.137.801
<b>Cộng</b>	<b>2.493.717.082</b>	<b>3.806.571.770</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.085.125.129	4.006.439.708
- Công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	14.250.000	18.822.000
- Chi phí khấu hao	46.556.143	79.769.124
- Chi phí bằng tiền khác	1.196.343.389	2.365.646.665
<b>Cộng</b>	<b>5.342.274.661</b>	<b>6.470.677.497</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Số liệu đầu năm

Số liệu đầu năm được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh miền Nam

### 2. Các bên hữu quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ Phần Belco Hà Nội	Công ty liên kết	Doanh thu năm 2013	10.579.662.700	23%
		Phải thu tiền hàng tại 31/12/2013	2.150.424.950	23%
		Cần trừ công nợ năm 2013	641.626.260	

### 3. Một số chỉ tiêu khái quát tình hình hoạt động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>I. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
1 Bố trí cơ cấu tài sản			
a. Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	50,23%	51,65%
b. Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	49,77%	48,35%
2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
a. Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	7,56%	8,86%
b. Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	92,44%	91,14%
<b>II. Khả năng thanh toán</b>			
1 Khả năng thanh toán nợ phải trả	Lần	13,22	11,29
2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	12,72	8,12
3 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	8,81	4,42
<b>III. Tỷ suất lợi nhuận</b>			
1 Tỷ suất lợi nhuận trên thu nhập			
a. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên thu nhập	%	2,40%	9,82%
b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên thu nhập	%	2,20%	8,21%
2 Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản			
a. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,47%	5,85%
b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,35%	4,89%
3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	1,46%	5,37%

## VIII. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 28/02/2014

Người lập biểu

Nguyễn Quốc Tuấn

Tp. HCM, ngày 28/02/2014

Kế Toán Trưởng

Bùi Hoàng Nam

Tp. HCM, ngày 28/02/2014

ĐỖ KHOA TÂN

Tổng Giám Đốc

Tp. HCM, ngày 28/02/2014



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HOÀ

## Phu lục 1 : PHẢI THU KHÁCH HÀNG

(Đơn vị tính : VNĐ)

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	DƯ NỢ
1	Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ An Ba	263.573.075
2	Công ty TNHH Điện Máy Tân Tạo	238.386.500
3	Công ty TNHH TM Hằng Thông	245.055.800
4	Công ty CP DV BC VT SG (SPT) (*)	4.562.610.115
5	Công ty TNHH MTV ĐM Hiệp Phát	212.234.550
6	Công ty TNHH TM-DV Phùng Lan	280.219.250
7	Công ty CP Belco Hà Nội	2.150.424.950
8	Khách hàng khác	1.373.001.747
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.325.505.987</b>

